

ICAO Mã Thiết Bị Kế Hoạch Bay	
Thiết bị và khả năng giám sát	
Chèn N nếu không có thiết bị giám sát cho đường bay dự kiến được mang theo, hoặc thiết bị không hoạt động được, HOẶC CHÈN một hoặc trong số các mô tả sau đây, tối đa 20 ký tự, để mô tả thiết bị giám sát còn hoạt động được mang theo và/hoặc khả năng trên máy bay:	
SSR Chế độ A và C	
A	Bộ phát đáp - Chế độ A (4 chữ số - 4.096 mã)
C	Bộ phát đáp - Chế độ A (4 chữ số - 4.096 mã) và Chế độ C
SSR Chế độ S	
E	Máy phát đáp—Chế độ S, bao gồm nhận dạng máy bay, áp suất-độ cao và extended squitter (ADS-B) khả năng
H	Bộ phát đáp—Chế độ S, bao gồm nhận dạng máy bay, Khả năng áp suất-độ cao và giám sát nâng cao
Tôi	Bộ phát đáp—Chế độ S, bao gồm nhận dạng máy bay, nhưng không có khả năng đo áp suất độ cao
L	Thiết bị phát đáp—Chế độ S, bao gồm nhận dạng máy bay, áp suất-độ cao, extended squitter (ADS-B) và khả năng giám sát nâng cao
P	Thiết bị phát đáp—Chế độ S, bao gồm áp suất độ cao, nhưng không có khả năng nhận dạng máy bay
S	Thiết bị phát đáp—Chế độ S, bao gồm cả cao độ áp suất và khả năng nhận dạng máy bay
X	Thiết bị phát đáp — Chế độ S không có cả Không có khả năng nhận dạng cũng như áp suất-độ cao
Khả năng giám sát nâng cao là khả năng của máy bay để truyền dữ liệu do máy bay tạo ra thông qua bộ phát đáp Chế độ S.	
ADS-B	
B1	ADS-B với khả năng “out” ADS-B 1090 MHz chuyên dụng
B2	ADS-B với khả năng “out” và “in” ADS-B 1090 MHz chuyên dụng khả năng
U1	Khả năng “phát” ADS-B bằng UAT
U2	Khả năng “out” và “in” ADS-B sử dụng UAT
V1	Khả năng “phát” ADS-B sử dụng VDL Chế độ 4
V2	Khả năng ADS-B “out” và “in” sử dụng VDL Mode 4
D1	D1 ADS-C với khả năng FANS 1/A
G1	G1 ADS-C với khả năng ATN
Các ký tự chữ và số không được chỉ ra ở trên được bảo lưu.	
ADE3RV/HB2U2V2G1	
Lưu ý: Ứng dụng giám sát bổ sung nên được liệt kê trong Mục 18 theo chỉ báo SUR/.	

LƯU Ý	
Note 1	Nếu chữ cái S được sử dụng, thiết bị tiêu chuẩn được xem là là VHF RTF, VOR và ILS, trừ khi một sự kết hợp khác tion được quy định bởi cơ quan ATS có thẩm quyền.
Ghi chú 2	Nếu chữ G được sử dụng, các loại GNSS bên ngoài augmentation, nếu có, được chỉ định trong Mục 18 sau chỉ báo NAV/ và cách nhau bằng một khoảng trắng.
Ghi chú 3	Xem Yêu cầu Tương tác RTCA/EUROCAE Tiêu chuẩn cho ATN Baseline 1 (Tiêu chuẩn ATN B1 INTEROP DO-280B/ED-110B) cho các dịch vụ liên kết dữ liệu không lưu cấp phép và thông tin kiểm soát/kiểm soát không lưu quản lý thông tin liên lạc/kiểm soát không lưu kiểm tra micro.
Ghi chú 4	Thông tin về khả năng dẫn đường được cung cấp cho ATC cho mục đích thông báo và chỉ dẫn đường bay.
Ghi chú 5	Nếu sử dụng chữ Z, hãy chỉ định trong Mục 18 các thiết bị mang theo hoặc các khả năng khác, đứng trước bằng COM/, NAV/ và/hoặc DAT, tùy theo thích hợp.
Ghi chú 6	Nếu sử dụng chữ R, mức độ dẫn đường dựa trên hiệu suất được chỉ định trong Mục 18 sau chỉ báo PBN/. các mức độ dẫn đường có thể đạt được được chỉ định trong Mục 18 sau chỉ báo PBN/. Tài liệu hướng dẫn về ứng dụng của dẫn đường dựa trên hiệu suất đến một đoạn đường, tuyến đường hoặc khu vực cụ thể được trình bày trong Sổ tay Hướng dẫn về Dẫn đường dựa trên Hiệu suất (Tài liệu 9613).
Note 7	Máy bay được trang bị RNAV có khả năng bay RNAV SID, việc ghi “NO SID” vào phần nhận xét sẽ không phải lúc nào cũng không dẫn đến việc cấp phép thông qua một Đường Khởi hành Ưu tiên (PDR). Phi công/Người điều hành phải sửa đổi Mục 18 NAV từ D1 thành D0 và xóa Mã PBRN RNAV1 (D1-D4).
Note 8	Nếu một DP RNAV được nộp, một kế hoạch bay ICAO phải được sử dụng. Trong Mục 18, Phi công/Người điều hành phải khai báo D1 hoặc D2 tùy thuộc vào DP RNAV. Ngoài ra, Trường 18 nên bao gồm PBN/D1-D4 tùy thuộc vào nguồn cấp nhật hiệu hướng, nguồn cập nhật. Xem AIM/PANS ATM 4444 để biết thủ tục nộp hồ sơ ICAO. thủ tục nộp hồ sơ.
Note 9	RNAV Q-routes yêu cầu RNAV 2 đường dài, tương ứng NAV/mã E2 và PBN/C1-C4 dựa trên dẫn đường nguồn cập nhật hệ thống.
Note 10	Nếu một tàu bay không đáp ứng các yêu cầu đối với RVSM, thì chữ W được khai báo trong Mục 10A của kế hoạch bay ICAO phải được bỏ và STS/NONRVSM phải được chú thích trong Trường 18.
Note 11	Yêu cầu nộp kế hoạch bay cho RNAV STARS. Trường 18 của Kế hoạch bay ICAO phải có NAV/A1 hoặc A2 được gán cho RNAV STAR. Ngoài ra, PBN/D1-D4 cho RNAV1 hoặc C1-C4 cho RNAV2 nên được khai báo. Nếu không thể chấp nhận RNAV STAR, kế hoạch bay phải được sửa đổi để thay đổi NAV/A1 hoặc A2 thành A0.

Hình 1-28. Ký hiệu thiết bị kế hoạch bay (tiếp theo).